

Bản án số: 06/2018/HS-ST

Ngày: 23 – 01 – 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Lý

Thẩm phán: Ông Phạm Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Đức Lợi

2. Ông Phan Thế Hùng

3. Bà Nguyễn Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Lê Bình Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đặng Anh D, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1973 tại huyện V, tỉnh T; Nơi cư trú: Số nhà 169, đường L, tổ 12, phường Đ, thành phố T, tỉnh T; Nghề Nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng A và bà Nguyễn Thị N; Có vợ là Nguyễn Thị Thu H và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt giam từ ngày 18/7/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

2. Nhâm Hải Q, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1977 tại huyện Đ, tỉnh T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu tập thể Q, phường Q, quận H, thành phố H; Chỗ ở: Số nhà 02, ngõ 85, đường P, tổ 09, phường T, thành phố T, tỉnh T; Nghề Nghiệp:

Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nhâm Văn D và bà Vũ Thị H; Có vợ là Nguyễn Thị Hồng M (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú và bị bắt giam từ ngày 18/7/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

3. Đỗ Thị H, sinh năm 1985 tại thành phố T, tỉnh T; Nơi cư trú: Số nhà 13, đường T, tổ 04, phường K, thành phố T, tỉnh T; Nghề Nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn N và bà Trần Thị P (đều đã chết); Có là Tạ Hồng D (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 15/9/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 30 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong án phạt tù ngày 26/4/2017; Tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú và bị bắt giam từ ngày 18/7/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

4. Đinh Văn T, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1988 tại huyện Đ, tỉnh T; Nơi cư trú: Tổ 33, phường B, thành phố T, tỉnh T; Nghề Nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn T (đã chết) và bà Ngô Thị H; Có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/12/2009 đi cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng; Bị cáo đầu thú và bị bắt giam từ ngày 19/7/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

5. Lê Văn B, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1978 tại thành phố T, tỉnh T; Nơi cư trú: Số nhà 83, ngõ Đ, đường L, tổ 16, phường T, thành phố T, tỉnh T; Nghề Nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; Có vợ là Lê Thị N và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 26/10/2015 Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 02 năm tù về tội “*Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, chấp hành xong án phạt tù ngày 23/01/2017; Tiền sự: Không; Nhân thân: Từ tháng 3/1997 đến tháng 6/1999 tham gia nghĩa vụ Q sự tại đơn vị D45, E263 Sư đoàn phòng không 367. Ngày 06/4/2010 Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Bị cáo đầu thú và bị bắt giam từ ngày 27/8/2017 sau chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Anh D:* Luật sư Phạm Huy H – Văn phòng Luật sư Phạm Huy H và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (*Có mặt*)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nhâm Hải Q:* Luật sư Vũ Văn Đ – Văn phòng Luật sư Vũ Văn Đ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (*Có mặt*)

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị H:* Luật sư Nguyễn Văn H – Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (*Có mặt*)

- *Người bào chữa cho các bị cáo Đinh Văn T và Lê Văn B:* Luật sư Bùi Xuân S – Văn phòng Luật sư Phạm Hữu L và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (*Có mặt*)

- *Bị hại:*

1. Anh Trần Phan Khánh T – sinh năm 1978 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số 532 đường T, khóm H, phường V, thành phố C, tỉnh A

2. Anh Trần Minh N – sinh năm 1989 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số nhà 158/15A đường B, phường 05, quận 08, thành phố H

3. Anh Hà Sỹ H – sinh năm 1986 (*Vắng mặt*)

4. Anh Hà Minh B – sinh năm 1990 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Xóm 8, xã X, huyện T, tỉnh T

- *Người làm chứng: (Đều vắng mặt)*

1. Anh Ngô Kế N – sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu Q 1, phường T, quận T, TP. C

2. Anh Nguyễn Sỹ C – sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh B

3. Anh Trần Văn Đ – sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A

4. Anh Đào Văn B – sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 97A/6, khu phố 6, phường T, TP. B, tỉnh Đ

5. Anh Lê Hoàng Đ – sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp 23, xã P, huyện G, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2017, anh Nguyễn Sỹ C là người quen gọi điện thoại nhờ Đặng Anh D giới thiệu nhà nghỉ tại T cho anh C cùng các anh Ngô Kế N, Lê Hoàng Đ, Nguyễn Văn C, Điều V, Đào Văn B và Trần Văn Đ. D giới thiệu cho anh Nguyễn Sỹ C và những người trên đến thuê phòng nghỉ tại khách sạn T 2 ở số 161, đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh T. Thông qua việc giới thiệu nhà nghỉ và cùng đi ăn uống tại tỉnh T, D biết nhóm người của anh C đến huyện K, tỉnh T để

giao dịch mua đá thiên thạch của người có tên là H, M và bán lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại L, địa chỉ số 42, đường T, phường 7, quận 5, thành phố H do anh Trần Phan Khánh T và anh Trần Minh N làm đại diện.

Khi biết tin anh Trần Phan Khánh T, anh Trần Minh N đến tỉnh T để mua đá thiên thạch, theo D khai, qua xem ảnh trên chứng minh nhân dân của anh Trần Minh N chụp qua Zalo gửi ra cho anh Ngô Kế N, D nhận ra anh Trần Minh N là người lấy của D 600 triệu đồng khi anh N môi giới cho D bán cặp lật đặt “ông bà” vào thời gian cuối tháng 12/2012, ở thành phố P, tỉnh B. Từ đó D theo dõi biết thời gian nào N và T ra tỉnh T để tìm cách tiếp cận, khống chế lấy lại số tiền 600 triệu đồng.

Khoảng 18 giờ ngày 13/7/2017, D gọi điện thoại cho Nhâm Hải Q, gặp nhau tại nhà Đỗ Thị H, D nói với Q và H “*Anh em mình sắp giàu to rồi, cách đây 05 năm, anh làm ăn ở miền nam bị bọn trong đó cướp của anh 600 triệu đồng, hai thằng đó chuẩn bị ra ngoài này mua thiên thạch, khi nào nó ra anh nhờ bọn mày giúp anh lấy lại tiền*” Q đồng ý. Khoảng 18h ngày 17/7/2017, sau khi biết được thời gian chính xác anh N và anh T sẽ đến thành phố T vào sáng ngày 18/7/2017, D điện thoại hẹn gặp Q ở nhà H, D nói với Q, H “*Sáng mai hai thằng ở miền nam nó ra đây mua hàng, em xem giúp anh lấy lại tiền*”, Q nói “*Hay là để em nhờ bọn khác nó giúp*”. D nói “*Không cần đâu, em chỉ tìm mấy thằng em cầm mấy cái thanh sắt dọa, bọn này trước đây nó cướp tiền của anh, giờ nó nhìn thấy anh là nó sợ rồi*”, sau đó D rủ Q, H ra quán uống bia cùng với các anh N, C, Đ, B, V, C, Đ với mục đích để cho Q và H biết được những người này không phải là đối tượng khống chế để lấy tiền. Q và H ngồi uống bia, khoảng 15 phút thì đứng dậy đi về trước. Về đến nhà Q gọi điện thoại cho Lê Văn B, Đinh Văn T, và Cao Thiện M sinh năm 1985, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 22, phường K, thành phố T, tỉnh T đến nhà H. Khoảng 20 giờ cùng ngày, B, T và M đến nhà H gặp Q, Q nói “*Tao có anh bạn trước đây làm ăn ở trong miền nam bị bọn ở trong đó lừa cướp mất 600 triệu đồng, ngày M hai thằng nó ra ngoài này tao nhờ anh em giúp lấy lại tiền cho bạn tao*”. Ngay lúc này D đi xe máy đến nhà H gặp Q, H, T, B, M và nói với mọi người “*Thời gian cách đây 5 năm hồi anh làm ăn ở miền nam anh bị bọn trong đó lừa cướp 600 triệu đồng. Ngày mai hai thằng nó ra ngoài này mua hàng anh nhờ anh em giúp anh lấy tiền bị bọn nó cướp mất, bọn này chỉ cần anh em chuẩn bị vài thanh sắt dọa, nó nhìn thấy anh là sợ rồi*” mọi người đồng ý, còn M không nói gì. Sau đó Q hẹn tất cả mọi người 7 giờ sáng hôm sau có mặt tại nhà H rồi đi.

Khoảng 7 giờ ngày 18/7/2017, thông qua anh N và anh C nên D biết được anh T và anh N đã đi xe ô tô Fotuner biển kiểm soát 30E – 676.71 đến thành phố T để gặp N làm thủ tục mua bán thiên thạch. D điện thoại cho Q đi xe máy đến trước cửa khách sạn T D 2 để bàn cách khống chế anh T và anh N để lấy tiền, khi biết

được anh T và anh N đi rút 01 tỷ đồng ở Ngân Hàng, D và Q đi ra quán cà phê bàn kế hoạch cụ thể. Q gọi điện thoại cho H nói thuê taxi ra đường L để chuẩn bị lấy tiền. H thuê xe taxi chở B, T, M ra đường L, sau đó Q lại gọi điện thoại bảo bọn nó chưa rút được tiền, cả nhóm về nhà chờ. Tại quán cà phê, D bàn với Q và thống nhất phương án chặn xe trên đường đê sông T vì đoạn đường này hẹp, ít người đi lại. Sau đó D gọi điện thoại cho anh C ra quán cà phê nói chuyện, D hỏi anh C và biết hai anh N, T sẽ đi xem hàng vào 12 giờ trưa. Q về nhà bảo H đi mua mấy chiếc tuýp sắt để đi làm. H đưa cho T 200.000 đồng bảo T đi mua tuýp sắt, T cầm tiền đi mua 02 tuýp sắt hết 80.000 đồng mang về đưa cho H và trả lại H 120.000 đồng, thấy chỉ có 02 chiếc tuýp, Q bảo chưa đủ, H đưa cho T 50.000 đồng, T tiếp tục đi mua 01 đoạn tuýp sắt nữa về đưa cho H, H lấy khăn tắm quần 01 con dao tự chế và 03 tuýp sắt vào để ở cửa ra vào. Lúc này Q nhận được điện thoại của D, D bảo Q ra khách sạn T 2 để dò la xem hai anh T, N đã rút được tiền chưa, Q đến khách sạn nhưng không nắm được tình hình gì. Sau đó, D điện thoại cho anh C ra quán cà phê, thông qua việc nói chuyện với anh C nên D biết chính xác hai anh T, N đã đến Ngân hàng rút được 01 tỷ đồng và 12 giờ trưa đi K để mua hàng. D bảo Q về chọn địa điểm chặn xe, Q đã về nhà rủ H, T, B và M đi xe máy lên bờ đê sông T để chọn địa điểm chặn xe. Sau khi xem xét, Q, H, T và B thống nhất chặn xe ở cống T bên cạnh xã V, còn M không nói gì. Sau đó Q chở D xuống địa điểm đã chọn ở cống T, xem xong D không đồng ý rồi bảo Q chở xuống phía dưới đến khu vực Trạm bơm, D và Q thống nhất chặn xe ở đây rồi cả hai về nhà. Q đi xe máy về nhà gặp H, T, B và M. Q bảo M *“Đề phòng bọn nó có súng, mày đi mua khẩu súng nhựa để không chế cho bọn nó sợ không dám phản ứng”*, nghe xong, M không đồng ý tham gia, nhưng không nói gì, nổ xe máy đi luôn và tắt điện thoại để Q và mọi người không liên lạc được.

Đến 12 giờ, Q đi xe máy chở H ngồi sau ôm dao tự chế và tuýp sắt, T đi xe máy chở B đi trước lên bờ đê sông T, trên đường đi Q đi vượt xe của T, khi xe của T đi đến cống trạm bơm thôn T, xã V thì Q ra hiệu cho T dừng xe, tuýp sắt H vút ở vệ đê. Q dặn T và B *“Chờ ở đây khi nào có 02 xe ô tô chặn nhau ở đây thì bọn mày chặn ở đít xe ô tô đi sau không cho lùi”*.

Cùng lúc khoảng 12 giờ, xe ô tô Inova B kiểm soát 60A-161.38 dừng ở trước cửa khách sạn để chở các anh N, C, B và Đ do anh Đ là lái xe thì D từ nhà đi đến. D bảo anh Đ đưa chìa khóa cho D lái xe vì D biết đường. D lái xe đi trước, xe ô tô Fotuner B kiểm soát 30E-676.71 chở anh T và anh N đi sau theo xe D. Khi lên đê sông T, thấy không đi đúng đường, anh C hỏi D sao đi đường này thì D nói đi đường tắt. Cùng lúc này, anh N gọi điện cho anh N hỏi sao đi K lại đi đường này thì D nói bảo nó đi đường này để đón chủ hàng luôn, anh N trả lời anh N như nội dung câu nói của D. Khi đi đến Trạm bơm cống T, lúc này, T và B đứng ở thành cống, Q và H đứng ở phía trước, D bất ngờ lái xe quay ngang đường chặn xe ô tô, cùng lúc

Q và H đi đến chặn ở đầu xe, T và B đi xe máy đến chặn ở phía sau xe. D xuống xe và quát “*Mở cửa ra, bọn mày là bọn lừa đảo, mày có nhận ra tao không, trước đây chúng mày cướp của tao 600 triệu đồng, giờ mày phải trả*”. Do lái xe không mở cửa, Q cầm dao tự chế đến, D giật con dao từ tay Q chém vào kính xe bên trái phía lái làm vỡ kính (*giá trị thiệt hại được định giá 1,4 triệu đồng*), lưỡi dao rơi xuống đường, thấy vậy Q nhặt lưỡi dao, D cầm cán dao đập nhiều nhát vào kính xe, D thò tay vào rút chốt cửa phía sau mở cửa xe, túm tóc lôi anh N ra khỏi xe, dùng cán dao đánh vào người anh N và quát “*Mày có nhớ tao không, mày cướp của tao 600 triệu đồng ở P, tiền đâu đưa đây không tao giết*”. Lúc này Q cầm lưỡi dao, H cầm tuýp sắt đứng ở đầu xe, T và B đứng sau xe tham gia khống chế hai anh N và T yêu cầu đưa tiền. Anh N thấy vậy nói “*Các anh cứ bình tĩnh, tiền em để ở gầm ghế sau*” và lật ghế lên, D lấy tiền trong túi nilon đưa cho Q cầm, đồng thời Q và D lấy điện thoại trong xe ô tô. Sau đó Q mở cửa đối diện chỗ anh T ngồi, D thấy anh T nên chửi “*Còn con chó này nữa*” và dùng cán dao vụt về phía anh T. Anh T dùng tay đỡ bị thương tích 2% và N chạy lại can ngăn, trong lúc xô xát, lưỡi dao do Q cầm ở tay chạm vào cổ anh N gây thương tích 9%. Q phát hiện trong gầm ghế xe còn một bọc tiền nữa liền cầm bọc tiền này. Anh N và anh T nói với D, B, T, Q và H “*Bây giờ tiền các anh lấy hết rồi, giờ để chúng tôi đi bệnh viện*”. Q chở D đi về nhà, T chở B về nhà T, H gọi xe taxi rồi đi về nhà Q. Khi về nhà Q, Q, H và D mang hai túi tiền lên đếm được 01 tỷ đồng. D đưa cho Q và H mỗi người 100 triệu đồng, nhờ Q chuyển cho T và B mỗi người 10 triệu đồng.

Sau đó, D hẹn các anh C, N, B và Đ đến quán cà phê nói “*Tôi xin lỗi mọi người vì trước đây bọn thằng N cướp của tôi 600 triệu đồng, giờ tôi lấy lại, bây giờ anh em cứ yên tâm để tôi sắp xếp tụi nó xong sẽ trả tiền chi phí cho anh em*”. Anh N nói “*Tôi không thêm đựng một xu từ tiền này, anh cầm tiền này vào Công an để giải quyết*”, sau đó anh Đ chở anh N cùng mọi người về khách sạn T 2, D xin đi nhờ xe nhưng mọi người không cho đi. D gọi xe taxi mang tiền và điện thoại về nhà, sau đó bị Công an bắt giữ.

Sau khi được D đưa tiền, Q và H đưa cho T và B mỗi người 10 triệu đồng, sau đó đi sang Q - N, khi biết tin D bị bắt thì Q và H về đầu thú.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 79 ngày 25/7/2017 của Trung tâm giám định pháp y Sở y tế T kết luận: “*Trần Phan Khánh T bị thương tích vùng bàn tay trái do vật tày, rắn tác động tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 2%*”.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 80 ngày 25/7/2017 kết luận: “*Trần Minh N thương tích vùng cằm bên phải do vật sắc tác động, thương tích vùng đầu và hai bàn tay do vật tày rắn tác động, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 9%*”

Bản kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 17 ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh T kết luận: Kính chắn gió phía cửa bên trái ghế lái của xe ô tô có giá trị 1.100.000 đồng, công lắp đặt 300.000 đồng, tổng 1.400.000 đồng. Bản kết luận định giá số 21 ngày 18/10/2017 kết luận 06 điện thoại di động các loại có tổng giá trị 13.800.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Anh D, Nhâm Hải Q, Đỗ Thị H, Đinh Văn T và Lê Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo và bị hại không ai có ý kiến hay KH nại về các kết luận giám định nêu trên.

Bản cáo trạng số 56/KSĐT ngày 30/11/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T đã truy tố các bị cáo Đặng Anh D, Nhâm Hải Q, Đỗ Thị H, Đinh Văn T và Lê Văn B về tội "*Cướp tài sản*" theo điểm b khoản 4 Điều 133 B luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "*Cướp tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Đặng Anh D từ 14 đến 15 năm tù;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Nhâm Hải Q và Đinh Văn T mỗi bị cáo từ 12 đến 13 năm tù;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Đỗ Thị H và Lê Văn B mỗi bị cáo từ 12 đến 13 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T đề nghị Hội đồng xét xử trả lại số tiền 998.650.000 đồng cho anh Trần Phan Khánh T; Trả lại 03 chiếc điện thoại di động mà các bị hại đề nghị nhận lại, số điện thoại và sạc D phòng còn lại đề nghị tịch thu, hóa giá sung quỹ ngân hàng nước và buộc bị cáo Đinh Văn T phải bồi thường số tiền 1.350.000 đồng cho anh Trần Phan Khánh T.

Các bị cáo và các luật sư bào chữa cho các bị cáo đều nhất trí với bản Cáo trạng và luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T truy tố các bị cáo về tội "*Cướp tài sản*" theo điểm b khoản 4 Điều 133 Bộ luật Hình sự 1999.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Anh D đề nghị Hội đồng xem xét những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như bị cáo gây án có tính chất Bt phát, do hiểu biết pháp luật còn hạn chế; bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều

tra trong quá trình giải quyết vụ án, số tiền chiếm đoạt phần lớn đã được thu hồi; gia đình đã nộp thay bị cáo số tiền 30 triệu đồng, những người bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sau khi phạm tội, bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ thái độ ăn năn hối cải và bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Mức án đại diện Viện Kiểm sát đưa ra là nghiêm khắc, do đó luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo Nhâm Hải Q và Đỗ Thị H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhận thức của các bị cáo Q và H khi thực hiện hành vi phạm tội là muốn giúp đỡ bị cáo Đặng Anh D lấy lại số tiền D đã bị chiếm đoạt nhiều năm trước chứ không hứa hẹn sẽ chia nhau số tiền cướp được từ những bị hại, xem xét đến tình trạng của những bị hại trên thực tế khi bị các bị cáo khống chế, các luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng với bị cáo Q và H dưới mức đại diện Viện Kiểm sát đề nghị.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Đinh Văn T và Lê Văn B phát biểu quan điểm: Các bị cáo T và B chỉ tham gia đồng phạm với vai trò thứ yếu, không quen biết Đặng Anh D và những người bị hại, chỉ nghe lời Q, không tham gia đánh những người bị hại và không đập phá xe ô tô, sau khi phạm tội đã về đầu thú, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa những người bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng với các bị cáo mức án dưới mức đại diện Viện Kiểm sát đề nghị.

Những bị hại tham gia phiên tòa đều nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tạo cơ hội cho các bị cáo thay đổi, sửa chữa sai lầm. Anh N, anh T thống nhất số tiền các bị cáo chiếm đoạt là tiền của anh T, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả tiền cho anh T.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều biết hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo, tạo cơ hội cho các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, luật sư, bị hại và

những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 18/7/2017, tại bờ đê sông T thuộc địa phận thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh T, các bị cáo Đặng Anh D, Nhâm Hải Q, Đỗ Thị H, Đinh Văn T và Lê Văn B đã bàn bạc lên kế hoạch, chuẩn bị sẵn tuýp sắt, dao tự chế và không chế chặn xe ô tô do anh H Minh B là lái xe, anh Hồ Sỹ H là phụ xe, trên xe chở các anh Trần Phan Khánh T và anh Trần Minh N. Đặng Anh D đã dùng lưỡi dao và cán dao đập vỡ cửa kính xe, dùng cán dao đánh vào người anh T, gây thương tích cho anh T 2%. Nhâm Hải Q cầm lưỡi dao, trong lúc xô xát, lưỡi dao trên tay Q chạm vào cổ anh N, gây thương tích cho anh N 9%. Đỗ Thị H cầm tuýp sắt, T và B tham gia không chế anh N. Các bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 1 tỷ đồng của anh T và lấy đi 06 điện thoại di động với giá trị 13.800.000 đồng. Theo quy định tại Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội "*Cướp tài sản*" thì:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có Hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười tám năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

...

b) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.”

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Anh D, Nhâm Hải Q, Đỗ Thị H, Đinh Văn T và Lê Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại giai đoạn điều tra, là chứng cứ buộc tội lẫn nhau; phù hợp với đơn trình báo và lời khai của các bị hại; và lời khai của những người làm chứng. Ngoài ra còn được chứng minh bằng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ, bản ảnh hiện trường do Cơ quan điều tra lập hồi 15 giờ ngày 18/7/2017 (Bút lục (BL) 353-360); Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể lập hồi 7 giờ 15 phút ngày 19/7/2017 kèm bản ảnh (BL 210-211; 362-369); Giấy chứng nhận thương tích kèm đơn thuốc do Bệnh viện đa khoa

thành phố T cung cấp cho anh Trần Minh N (BL 208-209); Các bản kết luận giám định pháp y về thương tích của các anh Trần Phan Khánh T và Trần Minh N (BL 253-254; 256-257); Biên bản kiểm tra phương tiện xe ô tô do Cơ quan điều tra lập hồi 18h00 ngày 18/8/2017 kèm bản ảnh phương tiện (BL 215; 370-381); Các Bản kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự (BL 237-238); Biên bản truy tìm vật chứng hồi 17h ngày 19/7/2017 (BL 361)....

[4] Về hành vi các bị cáo dùng dao tự chế và tuýp kim loại gây thương tích cho anh T với tỷ lệ thương tật là 2%, anh N là 9%, đập vỡ kính chắn gió xe ô tô thiệt hại giá 1.400.000 đồng, các bị hại đều không yêu cầu khởi tố xử lý hình sự, không yêu cầu bồi thường, Cơ quan điều tra không khởi tố hình sự mà ra quyết định xử lý hành chính là phù hợp.

[5] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Đặng Anh D, Nhâm Hải Q, Đỗ Thị H, Đinh Văn T và Lê Văn B đã phạm tội “*Cướp tài sản*” theo điểm b khoản 4 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T đã truy tố. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực, qua so sánh thấy mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (không có hình phạt tử hình) nhẹ hơn so với mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội nên khi xét xử, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự 2015 để xét xử đối với các bị cáo.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, bất bình cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Các bị cáo phạm tội có sự bàn bạc, chuẩn bị trước công cụ, phương tiện phạm tội là dao, tuýp sắt để đe dọa và tấn công những người bị hại làm cho các bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự và buộc phải giao tài sản với tổng giá trị 1.013.800.000 đồng (*Một tỷ không trăm mười ba triệu tám trăm nghìn đồng*). Do đó Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng với các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[7] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cố ý cùng nhau thực hiện tội phạm và có sự chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Khi áp dụng hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự của từng bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự:

Đối với Đặng Anh D là người giữ vai trò thứ nhất, bị cáo là người khởi xướng, tìm hiểu thông tin lịch trình của các bị hại và tìm đối tượng cùng thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp khống chế, tấn công bị hại để chiếm đoạt tiền sau đó chia số tiền chiếm đoạt được cho các đối tượng khác và được hưởng số tiền nhiều nhất trong số tiền đã chiếm đoạt. Bị cáo thực hiện hành vi tích cực, mặc dù nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nhưng cần thiết phải buộc bị cáo chịu mức án cao hơn các bị cáo khác trong vụ án.

Bị cáo Nhâm Hải Q đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực, là người trực tiếp tiếp nhận ý chí từ Đặng Anh D, tìm người, địa điểm, bàn bạc, lên kế hoạch cùng với Đặng Anh D, chỉ đạo bị cáo H chuẩn bị công cụ phạm tội, được D chia cho số tiền 100.000.000đ và đưa tiền để Q đưa cho bị cáo T và B nên giữ vai trò thứ hai và phải chịu mức án thấp hơn bị cáo D nhưng cao hơn các bị cáo khác.

Theo sự chỉ đạo của Q, bị cáo Đỗ Thị H là người đưa tiền cho Đinh Văn T đi mua công cụ phạm tội, cùng bị cáo Q mang công cụ phạm tội đến nơi gây án và được chia số tiền 100 triệu đồng. Đinh Văn T khi được H sai bảo đã trực tiếp hai lần đi mua công cụ như dao, tuýp để các bị cáo dùng vào việc phạm tội và cùng tham gia khống chế những người bị hại để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo H, T giữ vai trò tích cực sau bị cáo Q.

Bị cáo Lê Văn B chỉ đi theo các bị cáo khác, cùng tham gia chặn đường, khống chế các bị hại nên giữ vai trò thứ yếu trong vụ án nên được hưởng mức án thấp nhất trong vụ án.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H đã bị kết án về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", bị cáo B đã bị kết án về tội "*Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức*", đều mới chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp "*Tái phạm*" nên phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 B luật Hình sự N 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo Đặng Anh D đã tự nguyện nộp lại số tiền 750 triệu đồng tại giai đoạn điều tra và tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị cáo D đã tác động để gia đình nộp thay bị cáo số tiền 30 triệu đồng để khắc phục hậu quả; các bị cáo Nhâm Hải Q, Đỗ Thị H và Lê Văn B đều đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền được chia; bị cáo Đinh Văn T đã nộp lại số tiền 8.650.000 đồng; tại phiên tòa, các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, do đó, các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo Nhâm Hải Q, Đỗ Thị H, Đinh Văn T và Lê Văn B đầu thú, riêng Lê Văn B đã có thời gian tham gia nghĩa vụ Q sự từ

tháng 3/1997 đến tháng 6/1999, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Đặng Anh D chỉ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bị cáo và đồng phạm và chỉ rõ nơi cất giữ, gửi số tiền chiếm đoạt khi sự việc đã được làm rõ nên không có cơ sở chấp nhận đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Anh D về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo.

[7] Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584; 585; 587; 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Tại phiên tòa, các anh Trần Phan Khánh T và Trần Minh N thống nhất số tiền 1 tỷ đồng các bị cáo đã chiếm đoạt thuộc về trách nhiệm của anh T và anh T đề nghị được nhận lại số tiền trên. Tại giai đoạn điều tra, các bị cáo Nhâm Hải Q, Đỗ Thị H, Lê Văn B đã nộp lại đầy đủ số tiền được chia. Bị cáo Đặng Anh D đã giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 750.000.000 đồng, Đinh Văn T đã nộp lại 8.650.000 đồng. Như vậy, số tiền còn thặng là 31.350.000đ xác định thuộc trách nhiệm liên đới của các bị cáo D và T, trong đó kỷ phần Đặng Anh D phải bồi thường 30.000.000 đồng (số tiền này gia đình bị cáo D đã nộp thay để bồi thường theo biên lai số 0008575 ngày 19/01/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh T), Đinh Văn T phải bồi thường 1.350.000 đồng.

- Đối với hai điện thoại di động không thu hồi được, những người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý:

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng đã qua sử dụng thu của Đặng Anh D, đây là phương tiện phạm tội, cần tịch thu và hóa giá sung quỹ ngân hàng nước.

- Đối với những điện thoại các loại thu tại nhà Đặng Anh D, đây là tài sản của những bị hại. Tại phiên tòa, anh Trần Minh N chỉ yêu cầu lấy lại chiếc điện thoại di động Iphone 5S, anh B yêu cầu lấy lại một chiếc điện thoại di động OPPO màu đen và một chiếc điện thoại di động Samsung J7 màu đen, do đó cần trả lại các bị hại. Số

điện thoại còn lại và chiếc sạc D phòng VEGER màu đen, các bị hại đều không yêu cầu lấy lại, do đó tịch thu, hóa giá sung quỹ ngân hàng nước.

- Số tiền 968.650.000 đồng đã thu hồi được là số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của anh Trần Phan Khánh T, nay trả lại cho anh T.

Những vật chứng trên đã được Cục thi hành án dân sự tỉnh T quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2017 và Biên lai thu tiền số 0008565 ngày 29/11/2017.

[10] Trong vụ án này còn có anh Cao Thiện M, sinh N 1985, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 22, phường K, thành phố T, tỉnh T, được Nhâm Hải Q rủ đến nói chuyện về việc đi đòi tiền, khi Q bảo anh M đi mua súng nhựa để đe dọa, anh M tự ý bỏ không tham gia, tắt điện thoại để Q và những người khác không liên lạc được do vậy không có căn cứ để xử lý hình sự đối với anh M.

[11] Đối với anh Trần Văn T sinh năm 1974, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 11, phường Đ, thành phố T, tỉnh T, theo D khai nhận là người được D gửi 400 triệu đồng vào chiều ngày 18/7/2017, sau khi D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T triệu tập làm việc, D nhờ bố đẻ (ông Đặng A) đến lấy lại số tiền trên để giao nộp cho Cơ quan điều tra. Anh T không biết số tiền trên là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để khởi tố xử lý đối với anh T.

[12] Đối với các anh Nguyễn Sỹ C, Ngô Kế N, Nguyễn Văn C, Điều V, Lê Hoàng Đ, Đào Văn B, Trần Văn Đ là những người đến thành phố T để mua thiên thạch của người có tên là Hoàng, M rồi bán ngay lại cho các anh Trần Minh N, Trần Phan Khánh T, không có hành vi giúp sức cho D và những đồng phạm khác trong vụ án, nên không có căn cứ để khởi tố xử lý hình sự.

[13] Trong quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của Đặng Anh D, cơ quan điều tra thu giữ một 01 túi nilon có chứa chất dạng cục màu trắng (ngghi là ma túy đá). Qua giám định có trọng lượng là 0,3411gam Methamphetamine; D khai mua về để sử dụng. D chưa bị kết án về tội tàng trữ, vận chuyển trái phép hoặc chiếm đoạt trái phép chất ma túy, mặt khác trọng lượng chất ma túy D cất giấu để sử dụng không đủ định lượng để khởi tố xử lý nên Công an tỉnh T xử phạt hành chính đối với Đặng Anh D về hành vi này.

[15] Về án phí: Các bị cáo Đặng Anh D, Nhâm Hải Q, Đỗ Thị H, Đinh Văn T và Lê Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đinh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Anh D, Nhâm Hải Q, Đỗ Thị H, Đinh Văn T và Lê Văn B phạm tội “*Cướp tài sản*”.

[2] Về hình phạt:

* Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015:

- Xử phạt Đặng Anh D 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017.
- Xử phạt Nhâm H Q 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017.
- Xử phạt Đinh Văn T 12 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2017.

* Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015:

- Xử phạt Đỗ Thị H 12 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017.
- Xử phạt Lê Văn B 12 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2017.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584; 585; 587; 589 Bộ luật dân sự 2015:

Buộc các bị cáo Đặng Anh D và Đinh Văn T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Trần Phan Khánh T, sinh năm 1978, trú tại số 532 đường T, khóm H, phường V, thành phố C, tỉnh A số tiền 31.350.000 đồng. Kỷ phần cho từng bị cáo: Đặng Anh D 30.000.000 đồng, Đinh Văn T 1.350.000 đồng.

Số tiền 30.000.000 đồng gia đình bị cáo Đặng Anh D đã nộp thay bị cáo theo Biên lai số 0008575 ngày 19/01/2018 tại Cục thi Hành án dân sự tỉnh T được chuyển cho việc bồi thường cho anh Trần Phan Khánh T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại anh Trần Phan Khánh T số tiền 968.650.000 đồng thu của các bị cáo.
- Tịch thu và hóa giá sung ngân sách ngân hàng nước 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng đã qua sử dụng, mặt sau có ghi số IMEI 359232068226360; 01

điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng có số IMEI1 354884081665662, IMEI2 354884081665670 và 01 sạc D phòng VEGER màu đen.

- Trả lại anh Anh H Sỹ H, sinh N 1986, có hộ khẩu thường trú tại xóm 8, xã X, huyện T, tỉnh T 01 điện thoại di động Samsung J7 màu đen.

- Trả lại anh H Minh B, sinh N 1990, đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 8, xã X, huyện T, tỉnh T 01 điện thoại OPPO màu đen.

- Trả lại anh Trần Minh N, sinh N 1989, có hộ khẩu thường trú tại Châu Long 1, phường V, thành phố C, tỉnh A; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 158/15A đường B, phường 05, quận 08, thành phố H 01 điện thoại di động Iphone 5S màu vàng trắng mặt sau có ghi IMEI 358758055953468.

Những vật chứng trên đã được Cục thi hành án dân sự tỉnh T quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2017 và Biên lai thu tiền số 0008565 ngày 29/11/2017.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 B luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Đặng Anh D, Nhâm Hải Q, Đỗ Thị H, Đinh Văn T và Lê Văn B mỗi bị cáo pH nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đinh Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, những bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/01/2018. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhân:

- Các bị cáo –trại tạm giam;

- VKSND tỉnh T;

- Bị hại;

- Luật sư;

- CA tỉnh;

- Sở tư pháp;

- Lưu H sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Lý

Nơi nhận:

- Các bị cáo –trại tạm giam;
- VKSND tỉnh T;
- CA tỉnh;
- Sở tư pháp;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- Lưu H sơ;

Tô Thị Lý

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Các hội thẩm nhân dân
toà**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên

Ngô Thanh M

Nơi nhận:
THÂM

- Bị cáo – Trại giam;
- VKSND tỉnh T;
- Sở tư pháp;
- Lưu H sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Nam Mẫn

